

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145 KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐÀU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐÁU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐÁU GIÁ.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh- Hoàn Kiếm - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3941 2626 Fax: (04) 3934 7818

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



CÔNG TY 145

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145

Địa chỉ: Km 75, Quốc lộ 19 - Phường Ngô Mây - Thị xã An Khê - Gia Lai

Điện thoại: (059) 3833 005 Fax: (059) 3833 285

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Biên cơ hội thành giá trị

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính: Tầng 3, TT Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3818 1888 Fax: (04) 3818 1688

Chi nhánh Tp.HCM: Tầng 3, Tòa nhà Artex, Số 236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 3915 1368 Fax: (08) 3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng: 97 Lê Lợi, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng

Điện thoại: (0511) 3525 777 Fax: (0511) 3525 779

Tháng 6 năm 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU.....	4
1. Tổ chức phát hành	4
2. Cổ phần chào bán đấu giá.....	4
3. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc.....	5
4. Tổ chức tư vấn.....	5
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI.....	5
II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ.....	6
III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá.....	7
2. Doanh nghiệp cổ phần hoá	8
3. Tổ chức tư vấn.....	8
IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN .	8
V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA.....	9
1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	9
2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	11
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu	14
4. Tình hình lao động.....	15
5. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015.....	16
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp.....	18
7. Danh sách những Công ty mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2016.....	20
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa	20
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	31
VI. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ.....	33
1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh	33
2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần	34
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá.....	37
4. Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hoá.....	40

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần.....	41
Nguồn Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145.....	42
VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN	42
1. Phương thức bán.....	42
2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán	43
VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ.....	43
1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa.....	43
2. Phương án xử lý số tiền thu được từ cổ phần hóa	44
IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN.....	45
X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC CỔ PHẦN HÓA	45
1. Rủi ro về nền kinh tế.....	45
2. Rủi ro về luật pháp.....	46
3. Rủi ro đặc thù	46
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	46
5. Các rủi ro khác.....	47
XI. THAY LỜI KẾT.....	47

I. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Tổ chức phát hành

- Tên Công ty : Công ty TNHH một thành viên 145
- Địa chỉ : Km 75, Quốc lộ 19, Phường Ngô Mây, Thị xã An Khê - Gia Lai
- Điện thoại : 0593 833 005
- Fax : 0593 833 285
- Vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa : 29.769.700.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần : 2.976.970 cổ phần

Trong đó

- ❖ *Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn – Bộ Quốc phòng* : 1.071.709 cổ phần, tương ứng 36,00% vốn điều lệ
- ❖ *Người lao động trong Công ty (bao gồm cả cổ phần ưu đãi và cổ phần mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp)* : 180.300 cổ phần, tương ứng 6,06% vốn điều lệ.
- ❖ *Tổ chức công đoàn :* : 44,655 cổ phần, tương ứng 1,50% vốn điều lệ.
- ❖ *Các nhà đầu tư bên ngoài* : 1.680.306 cổ phần, chiếm 56,44% vốn điều lệ

Trong đó:

- *Bán cho Nhà đầu tư chiến lược* : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- *Bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư* : 1.680.306 cổ phần, chiếm 56,44% vốn điều lệ

2. Cổ phần chào bán đấu giá

- Số lượng cổ phần chào bán đấu giá : 1.680.306 cổ phần, chiếm 56,44% vốn điều lệ

- Loại cổ phần chào bán : Cổ phần phổ thông
- Hình thức chào bán : Bán đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Giá khởi điểm : 10.000 đồng/cổ phần
- Đặt cọc : Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu : 100 cổ phần
- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối đa : 1.680.306 cổ phần

3. Tổ chức phiên đấu giá, thu tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc

- + **Thời gian và địa điểm đăng ký tham gia đấu giá:** Được quy định tại **Quy chế đấu giá**
- + **Thời gian tổ chức buổi đấu giá:** Theo thời gian được quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- + **Địa điểm tổ chức bán đấu giá cổ phần:**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84- 4) 3941 2626 Fax: (84-4) 3934 7818.

- + **Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc:**
- Thời gian thanh toán tiền mua cổ phần: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.
- Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần: Nhà đầu tư nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản tiền vào tài khoản của các Đại lý đấu giá nơi đăng ký tham dự đấu giá.
- Thời gian hoàn trả tiền đặt cọc: Theo quy định tại **Quy chế đấu giá**.

4. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 – Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Hà Nội

Số điện thoại: 04. 3818 1888 Fax: 04. 3818 1688

Website: www.shs.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 3 – Tòa nhà Artex, Số 236-238 Nguyễn Công Trứ, TPHCM

Số điện thoại: 08. 3915 1368 Fax: 08. 3915 1369

Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 97 đường Lê Lợi, quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3525 777 Fax: 0511. 3523 779

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần
- Thông tư số 56/2013/TT-BQP ngày 02/5/2013 của Bộ Quốc phòng hướng dẫn chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong Quân đội thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư số 114/2015/TT-BQP ngày 28/09/2015 của Bộ quốc phòng quy định về bố trí, sử

dụng và chế độ chính sách đối với các đối tượng làm việc tại doanh nghiệp quân đội thực hiện cổ phần hóa và tại công ty cổ phần có vốn góp của Nhà nước do Bộ Quốc phòng làm chủ sở hữu;

- Công văn số 25/TTg-ĐMDN ngày 30/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng;
- Quyết định số 5034/QĐ-BQP của Bộ Quốc Phòng ngày 25/11/2015 về thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn
- Quyết định số 5035/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 25/11/2015 về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn;
- Quyết định số 1007/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng ngày 18/3/2016 về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn;
- Quyết định số 2069/QĐ-BCĐ ngày 02/12/2015 của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV 145 về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên 145;
- Căn cứ Quyết định số 4357/QĐ-BPQ ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc Phòng về phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn để cổ phần hóa;
- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH MTV 145 tại thời điểm 31/12/2015 được lập bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Quyết định số 1524/QĐ-BQP ngày 08/05/2017 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn thành công ty cổ phần;
- Công văn 9616/VPCP-ĐMDN ngày 11/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục sử dụng giá trị DN để bán cổ phần lần đầu;
- Và các văn bản pháp lý khác liên quan khác.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Ban chỉ đạo cổ phần hoá

Thiếu tướng Võ Hồng Thắng

Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Bản công bố thông tin này do Doanh nghiệp cổ phần hóa và Tổ chức tư vấn lập, đã được

Ban chỉ đạo cổ phần hóa rà soát, đảm bảo theo đúng phương án cổ phần hóa, hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp và các hồ sơ liên quan.

2. Doanh nghiệp cổ phần hoá

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145

- **Thượng tá Phan Tiến Dũng** Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên 145 trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, kết quả hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.

3. Tổ chức tư vấn

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)

- **Ông Nguyễn Hồng Điệp** Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh TP.HCM

(Theo giấy ủy quyền số 08B/2017/UQ-TGD ngày 24/03/2017 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội)

Bản Công bố thông tin này đã được Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty TNHH một thành viên 145. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên 145 cung cấp.

IV. CÁC KHÁI NIỆM, TỪ VIẾT TẮT SỬ DỤNG TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản công bố thông tin:

- BQP : Bộ Quốc phòng
- TCT : Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn

- Công ty; Tổ chức phát hành : Công ty TNHH một thành viên 145
- Doanh nghiệp cổ phần hóa : Công ty TNHH một thành viên 145
- 145 : Công ty TNHH một thành viên 145
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- CPH : Cổ phần hóa
- TNHH : Trách nhiệm hữu hạn
- MTV : Một thành viên

V. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin khái quát về doanh nghiệp cổ phần hóa

- **Thông tin khái quát**

- Tên doanh nghiệp: **Công ty TNHH một thành viên 145**
- Địa chỉ: Km 75, Quốc lộ 19, Phường Ngô Mây, Thị xã An Khê, Gia Lai
- Vốn điều lệ hiện tại 30.323.536.503 đồng
- Điện thoại: 0593 833 005
- Fax: 0593 833 285
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp nhà nước: Số 5900951536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 17/01/2013, cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 09/11/2015
- Sản phẩm dịch vụ chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu: xây dựng các công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

- Logo



- **Lịch sử hình thành và phát triển**

Công ty TNHH MTV 145 - Binh đoàn 12 (Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn) tiền thân là Căn cứ 4 - Cục Hậu cần - Binh đoàn 12 được thành lập theo quyết định số 250/QĐ - BĐ ngày 10 tháng 11 năm 1981 của Tư lệnh Binh đoàn 12.

Năm 1993 được đổi tên thành Xí nghiệp 145 thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn; năm 1997 được đổi tên thành Công ty 145 thuộc Tổng công ty xây dựng Trường Sơn; năm 2003 được chuyển thành Xí nghiệp 145 hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn; năm 2004 được sáp nhập vào trực thuộc Công ty xây dựng 532 thuộc Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn; năm 2008, được chuyển thành Xí nghiệp 145 từ trực thuộc Công ty 532 về trực thuộc Binh đoàn 12; năm 2011, được đổi tên thành Công ty 145 và đến năm 2013, được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV 145 - Binh đoàn 12 (Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn).

Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là xây dựng kinh tế kết hợp với Quốc phòng trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Với các ngành nghề: Xây dựng giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp; khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng. Nhiệm vụ chủ yếu của đơn vị là xây dựng kinh tế, củng cố tăng cường tiềm lực quốc phòng trên địa bàn trong thời bình; sẵn sàng làm nhiệm vụ cơ động chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi có lệnh của Tư lệnh Binh đoàn 12 và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần hóa

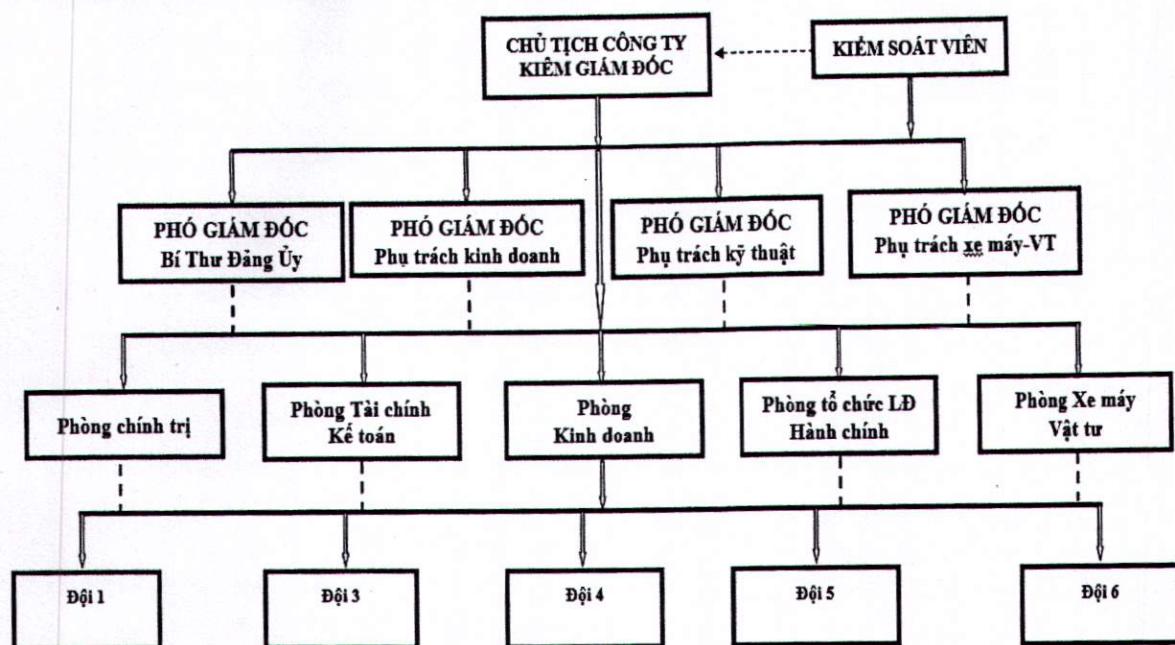
Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900951536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 17/01/2013, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 09/11/2015, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty, bao gồm:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6	Xây dựng công trình công ích	4220
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8	Phá dỡ	4311
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
13	Các ngành nghề kinh doanh khác	

2. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên, chủ sở hữu là Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn. Cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát, điều hành gồm Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, các Phó giám đốc phụ trách, Kế toán trưởng, khối văn phòng và các đội sản xuất được thể hiện như sau:



(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên 145)

Lãnh đạo, quản lý, điều hành:

- Chủ tịch Công ty;
- Giám Đốc Công ty (kiêm);
- Các Phó Giám đốc phụ trách;
- Kiểm soát viên;

Các phòng tham mưu, nghiệp vụ:

05 phòng tham mưu nghiệp vụ:

- Phòng chính trị;
- Phòng kế toán tài chính;
- Phòng kinh doanh,
- Phòng tổ chức lao động tài chính,
- Phòng xe máy vật tư.

Các đội thi công công trình

5 đội thi công công trình hiện tại là các đơn vị trực tiếp thực hiện thi công các công trình mà Công ty TNHH Một thành viên 145 nhận thi công.

➤ **Đơn vị thành viên Công ty**

▪ **Chức năng**

Các Công ty con, các Chi nhánh và các đơn vị khác trực thuộc Công ty nếu được phép thành lập và hoạt động đều gọi là đơn vị thành viên của Công ty.

▪ **Nhiệm vụ**

- ✓ Chịu sự quản lý trực tiếp về mọi mặt của Công ty.
- ✓ Tự chủ trong kinh doanh theo phân cấp quản lý của Công ty. Các Công ty con thực hiện hạch toán độc lập; các Chi nhánh, đơn vị khác trực thuộc Công ty thực hiện hạch toán phụ thuộc.
- ✓ Chủ động tổ chức hoạt động SXKD bảo đảm đúng pháp luật đúng quy định và uỷ quyền của Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp và đóng góp, bảo đảm quyền lợi cho người lao động có tích lũy để tái SX và phát triển SX.
- ✓ Được Công ty giao một số nguồn lực bao gồm : Vốn, tài sản và người lao động, v.v... để sử dụng đúng mục đích, đúng quy định vào nhiệm vụ phục vụ SXKD và chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển các nguồn lực, vốn tài sản, người lao động đã được giao.
- ✓ Mở rộng quan hệ tìm kiếm việc làm, mở rộng kinh doanh thực hiện ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện những điều đã cam kết và thanh lý hợp đồng theo sự uỷ quyền của Giám đốc Công ty.
- ✓ Bảo đảm chính sách chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật và động viên người lao động tích cực tham gia lao động sản xuất và xây dựng đơn vị.
- ✓ Thực hiện tốt công tác kế toán tài chính thống kê, báo cáo, phân tích hoạt động kinh tế tài chính theo pháp luật cũng như các công tác khác theo quy định của công ty và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực của số liệu.
- ✓ Các đơn vị thành viên có trách nhiệm xây dựng quy định riêng phù hợp với điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty và có hiệu lực khi được Công ty phê duyệt.

➤ **Tổ chức Đảng, đoàn thể**

- ✓ Tổ chức Đảng: Đảng ủy Công ty TNHH MTV 145 trực thuộc Đảng bộ Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn. Đảng ủy gồm 10 chi bộ trực thuộc và 77 đảng viên.
- ✓ Ngoài ra, Công ty còn có Công đoàn cơ sở gồm 6 tổ công đoàn, 120 Đoàn viên, Đoàn Thanh niên gồm 6 chi Đoàn và 72 Đoàn viên thanh niên, Hội Phụ nữ gồm có 7 thành viên.

➤ **Công ty con và đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Không có.

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Bộ Quốc phòng, Công ty chủ yếu hoạt động trên các mảng kinh doanh chính là: Xây dựng các công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình dân dụng, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3.1. Hoạt động xây dựng

Đây là hoạt động mang lại doanh thu chủ yếu và chiếm tỷ trọng lớn cho Công ty trong những năm qua và Công ty định hướng và phát triển hoạt động xây dựng là mảng hoạt động chủ yếu của Công ty trong những năm tới. Với bề dày hoạt động trong lĩnh vực này, Công ty đã thi công nhiều công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tiêu biểu như:

Về các công trình giao thông:

Thi công nâng cấp mở rộng Quốc lộ 78- Campuchia, Quốc lộ 14 đoạn qua Tp Pleiku tỉnh Gia Lai; Quốc lộ 25 (Từ Km 69 - Km76), Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Phú Yên; Đường Hồ Chí Minh đoạn qua các tỉnh Gia Lai, tỉnh Đắk Lắk, tỉnh Thừa Thiên - Huế; Dự án đường Trường Sơn Đông, đường Tuần tra biên giới trên đất liền qua tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum, các tỉnh lộ 667, 668, 669 và 674 tỉnh Gia Lai;

Về thi công các công trình thủy lợi:

Đập thủy lợi Eadreh, đập thủy lợi Cà Tung4, đập thủy lợi Tân Sơn, kênh thủy lợi Vân Phong, hệ thống thủy lợi Biên Hồ, Hồ chứa nước IaMlá thuộc tỉnh Gia Lai; đập thủy lợi Suối Đuốc tỉnh Bình Định; Hồ chứa nước Suối Vực – Phú Yên; thủy điện Krong Pa 2 tỉnh Gia Lai.

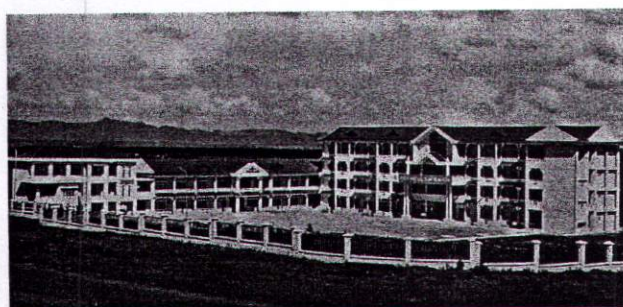
Về thi công các công trình dân dụng, nhà ở:

Trường THPT Nguyễn Chí Thanh Tp Pleiku - Gia Lai; Trụ sở làm việc các cơ quan Huyện ủy, HĐND, UBND, MTTQ, Ban chỉ huy quân sự, Công an, Kho bạc Nhà nước huyện ĐăkPơ - Gia Lai; Nhà máy ván sợi MDF, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Kho bạc Nhà nước, Trung tâm Thương mại, Trụ sở làm việc Ban chỉ huy quân sự, Bệnh viện khu vực thị xã An Khê - Gia Lai; nâng cấp Nghĩa trang liệt sỹ huyện Đức Cơ - Gia Lai; nhà tưởng niệm các Anh hùng liệt sỹ Trung đoàn Bộ binh 95, huyện MangYang - Gia Lai

Một số hình ảnh về thi công công trình của Công ty



CÔNG TRÌNH MỞ RỘNG QUỐC LỘ 1

TỔ CHỨC LỄ THÔNG XE
CÔNG TRÌNH MỞ RỘNG QUỐC LỘ 1

TRƯỜNG THPT TRÀ BÁ

HỒ CHỨA NƯỚC SƯỜI VỰC, HUYỆN SƠN
HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

3.2. Hoạt động kinh doanh khác

Cùng với hoạt động xây dựng là hoạt động chính thì Công ty cũng có hoạt động kinh doanh khác, doanh thu của hoạt động này đến từ công tác sản xuất nguyên vật liệu xây dựng nhằm cung cấp trực tiếp sản phẩm cho các đơn vị thi công của Công ty và bán ngoài cho các khách hàng có nhu cầu như: cung cấp bê tông nhựa nóng cho Tổng Công ty Sông Đà tại Dự án Quốc lộ 1, cung cấp và thảm bê tông nhựa đường nội bộ khu nghỉ dưỡng cao cấp Nhon Lý, Quy Nhon cho Tập đoàn FLC...

4. Tình hình lao động

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là: **145 người**.

Phân loại lao động của Tổng công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp như sau (tại ngày 17/10/2016):

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
-----	----------	----------	-------

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
I	Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	145	100%
1	Sỹ quan; Quân nhân chuyên nghiệp	93	64,14%
2	Công nhân viên quốc phòng	16	11,03%
3	Chiến sỹ	8	5,52%
4	Lao động hợp đồng không xác định thời hạn	28	19,31%
5	Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	-	-
6	Hợp đồng lao động thời vụ dưới 3 tháng	-	-
II	Phân theo trình độ	145	100%
1	Trên đại học	0	0%
2	Đại học	41	28,28%
3	Cao đẳng	10	6,90%
4	Trung cấp	32	22,07%
5	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	62	42,75%
III	Phân loại theo giới tính	145	100%
1	Nam	138	95,17%
2	Nữ	7	4,83%

5. Giá trị của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Theo Quyết định số 4357/QĐ-BQP ngày 17/10/2016 của Bộ Quốc Phòng về giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên 145 tại thời điểm 24h00 ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

- Giá trị thực tế của Công ty TNHH Một thành viên 145 là **144.998.070.974** đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là **29.769.741.973** đồng.

Chi tiết kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
1	2	3	4 = 3 - 2
A. TÀI SẢN ĐANG DÙNG (I+II+III+IV)	139.342	144.998	5.656
I. TSCĐ và đầu tư dài hạn	41.617	47.273	5.656
1. Các khoản phải thu dài hạn	19.557	19.557	-
2. Tài sản cố định	10.039	15.478	5.439
3. Tài sản dài hạn khác	12.021	12.238	217
II. TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	97.725	97.725	-
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	10.644	10.644	-
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.978	8.978	-
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	27.608	27.608	-
3. Hàng hóa tồn kho	50.465	50.465	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	29	29	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	-	-	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B. TÀI SẢN KHÔNG CẦN DÙNG	1.287	1.287	-
C. TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
D. TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A + B + C + D)	140.629	146.285	5.656
Trong đó:			
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP (Mục A)	139.342	144.998	5.656

Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
E1. Nợ thực tế phải trả	115.228	115.228	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A - (E1+E2))	24.113	29.769	5.656

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Theo Văn bản số 9616/VPCP-ĐMDN ngày 11/9/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục sử dụng giá trị doanh nghiệp để bán cổ phần lần đầu trong đó nêu ý kiến của Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đồng ý cho Công ty TNHH MTV 145 được tiếp tục sử dụng Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 để bán cổ phần lần đầu.

Trong giai đoạn từ thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 đến thời điểm Công bố thông tin bán cổ phần lần đầu ra công chúng, Công ty 145 không có biến động lớn về tài sản.

Việc tăng giảm giá trị doanh nghiệp (nếu có) của Công ty 145 sẽ được điều chỉnh thực tế vào thời điểm bàn giao doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần.

Những vấn đề cần tiếp tục xử lý sau khi cổ phần hóa

- Giá trị sử dụng đất: đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty 145 đang quản lý sử dụng khu đất có diện tích 18.740,75 m² tại Phường Ngô Mây, Thị xã An Khê, Tỉnh Gia Lai. Toàn bộ số đất này đã được Tư lệnh binh đoàn 12 ra Quyết định thu hồi theo Quyết định số 954a/QĐ-BĐ ngày 09/10/2015. Công ty 145 sẽ bàn giao toàn bộ số đất này cùng nhà cửa, vật kiến trúc trên đất cho cơ quan chức năng Binh đoàn 12 quản lý theo quy định.
- Giá trị tài sản cố định không cần dùng và chờ thanh lý của Công ty 145 không tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2015 là: 5.967.375.495 đồng; giá trị còn lại: 1.286.902.337 đồng. Trong khi chưa được Tổng Công ty Trường Sơn thu hồi theo quy định, Công ty 145 có trách nhiệm tiếp tục quản lý để không xảy ra thất thoát tài sản của Nhà nước.
- Khoản chi phí trả trước dài hạn trị giá 12.021.458.079 đồng của gói 4+5 đường tuần tra biên giới Kontum và Gói 11+12 Quốc lộ 1A, Công ty sẽ rà soát theo định mức và dự toán được duyệt, hạch toán vào kết quả sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ kế toán hiện hành. Trường hợp phát sinh thua lỗ do việc hạch toán trên thì Công ty làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, báo cáo với các cơ quan chức năng, Tổng Công ty để xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan, đề xuất trừ số lỗ do nguyên nhân khách quan ra khỏi giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa.

6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

▪ Tình hình sử dụng đất đai của Công ty:

Hiện tại Công ty có 2 khu đất đang được Công ty sử dụng làm trụ sở Công ty và bãi tập kết xe máy, cụ thể như sau:

TT	Diễn giải	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng	Phương án sử dụng sau CPH
1	Khu đất hiện đang làm trụ sở Công ty	2.701,25m ²	Nhà cấp 3, cấp 4	Nhà làm việc, nhà công vụ, nhà ăn.	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn	Bàn giao lại cho Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn
2	Bãi tập kết xe máy	16.039,5 m ²	Không	Bãi tập kết xe máy.	Đất quốc phòng được cấp trên giao	Không xác định thời hạn	Bàn giao lại cho Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn
	Tổng cộng	18.740.75m²					

Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

Theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt của Bộ Quốc phòng, sau khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty tiếp tục thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TM ngày 29/04/2016 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt vị trí đóng quân của Công ty sau khi cổ phần hóa, Công ty đã được UBND tỉnh Khánh Hòa cho thuê 1.477,2 m² đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 59 thuộc Khu dân cư Hòn Rớ II, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD927243 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 11/10/2016, thời hạn thuê đất là 50 năm. Hiện tại, trong khi chờ hoàn tất việc đầu tư xây dựng trụ sở mới tại Nha Trang, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng trụ sở cũ tại thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai. Thông tin về trụ sở mới của Công ty như sau:

STT	Khu đất	Diện tích sử dụng (m ²)	Công trình trên đất	Mục đích sử dụng	Hình thức sử dụng	Thời hạn sử dụng
1	Khu dân cư Hòn Rớ II, Nha Trang	1.477,2 m ²	Văn phòng làm việc	Đất thương mại dịch vụ.	Sử dụng riêng	08/06/2066
	Tổng cộng	1.477,2 m²				

Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

- **Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên tài sản	Theo giá trị đánh giá lại		Theo giá trị sổ sách	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1	Nhà cửa vật kiến trúc	-	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	29.032	12.204	28.962	8.411
3	Phương tiện vận tải	10.590	3.274	10.340	1.628
	Tổng cộng	39.622	15.478	39.302	10.039

Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 của

Công ty TNHH Một thành viên 145

7. Danh sách những Công ty mẹ, Công ty con của doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2016

▪ **Công ty mẹ:**

Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn - Bộ Quốc phòng

Địa chỉ: Số 475 Đường Nguyễn Trãi – Phường Thanh Xuân Nam – Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội – Việt Nam.

Điện thoại: 04 38542573 – 04 38542574

Fax: 04 38542758

Website: tcttruongson.vn

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng cầu, đường.

Tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty tại Công ty: 100% vốn điều lệ

▪ **Các công ty con:**

Không có

8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

8.1.1. Sản lượng, doanh thu

Sản lượng, doanh thu sản phẩm từ 2014 -2016*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Sản lượng	193.314	258.426	
Doanh thu	175.740	234.933	114.134
Lợi nhuận gộp	13.854	7.316	11.543

Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên 145

Doanh thu hoạt động kinh doanh của Công ty đến chủ yếu từ mảng hoạt động xây dựng. Từ năm 2013 đến 2015 doanh thu của mảng hoạt động xây dựng luôn chiếm tỷ trọng lớn (trên 90%), hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng chiếm một tỷ trọng ít hơn trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty. Năm 2014 và 2015 doanh thu hoạt động xây dựng chiếm tỷ trọng lần lượt là trên 95% và 98%. Doanh thu hàng năm của Công ty có mức tăng trưởng khá đều, trên 30%. Năm 2015, doanh thu mảng vật liệu xây dựng có sự tăng trưởng tốt so với các năm trước, đạt gần 19 tỷ đồng, chiếm 8% doanh thu toàn Công ty.

8.1.2. Nguồn cung cấp hàng hóa, nguyên vật liệu đầu vào

Hoạt động xây dựng các công trình là hoạt động chính trong cơ cấu doanh thu của Công ty, do vậy nguyên vật liệu được sử dụng là những loại nguyên vật liệu đặc thù phục vụ cho hoạt động xây lắp (Sắt, thép, cát, đá, gạch, xi măng, nhựa đường, xăng dầu, thuốc nổ....). Một số thương hiệu, chủng loại vật liệu công ty thường sử dụng:

- Thép: Thép Hòa Phát, Việt Nhật...
- Xi măng: Bim Sơn, Nghi Sơn, Sông Gianh....
- Nhựa đường của các nhà cung cấp uy tín đảm bảo chất lượng tốt như Petrolimex Đà Nẵng, Công ty nhựa đường Sài Gòn
- Thuốc nổ và vật liệu nổ của Công ty hóa chất mỏ.

Do đặc thù các công trình xây dựng của Công ty là phân tán trên nhiều địa phương khu vực miền Trung Tây Nguyên, do vậy, bên cạnh các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên, tùy từng công trình, thời điểm cụ thể, Công ty sẽ tìm kiếm nhà cung cấp phù hợp nhất tại địa phương. Công ty đã thiết lập quan hệ đối tác lâu năm với các nhà cung cấp có kinh nghiệm và năng lực cung cấp nguyên vật liệu nhằm đảm bảo nguồn cung cấp ổn định, kịp thời với giá cả cạnh tranh.

Danh mục các nhà cung cấp nguyên vật liệu thường xuyên của Công ty gồm:

TT	Tên nhà cung cấp	Loại nguyên vật liệu cung cấp
1	Mua tại Công ty CP Kim Khí Miền trung	Xi măng PCB40
2	Mua tại Công ty CP Kim Khí Miền trung	Thép các loại
3	Mua tại DNTN Thu Uyên	Đá các loại
4	Mỏ Trúc Lợi	Cát vàng
5	Mua tại Chi nhánh Nhựa đường Đà Nẵng	Nhựa đường Rời 60/70
6	Mua tại Công ty XD Bắc Tây Nguyên	Dầu diezl + NLP các loại
7	Mua công ty CP Quản lý & khai thác hầm đường bộ Hải Vân	Nhũ trương các loại
8	Mua Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hà Nam Ninh	Bột khoáng
9	Mua tại DNTư nhân Quốc tiến	Gạch các loại

Nguồn: Công ty 145

8.1.4. Hệ thống quản lý chất lượng

Công ty luôn áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong các lĩnh vực quản lý, xây dựng các công trình dân dụng và giao thông nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của chủ đầu tư.

Các quy trình trong thi công công trình của Công ty luôn đảm bảo tuân thủ theo các quy định, tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng công trình để kiểm soát tiến độ, chất lượng, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

8.1.5. Hoạt động Marketing

Để quảng bá thương hiệu, hình ảnh, năng lực sản xuất, Công ty đã và đang áp dụng các hình thức sau:

- Khẳng định uy tín, thương hiệu bằng chính sản phẩm xây dựng đó chính là: chất lượng, tiến độ và mỹ quan công trình đối với các Chủ đầu tư truyền thống hoặc các Chủ đầu tư tham gia lần đầu.
- In ấn, phát hành hồ sơ năng lực để giới thiệu với các đối tác về hình ảnh Công ty.
- Thông qua các ngày lễ kỷ niệm của Công ty để quảng bá hình ảnh của Công ty.

- Tổ chức các chương trình giao lưu với địa phương, cơ quan ban ngành. Tham gia hội trại, phong trào Đoàn thanh niên, các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm đưa hình ảnh của Công ty đến với cộng đồng.

8.1.6. Trình độ công nghệ

Trong hoạt động xây dựng, các máy móc, thiết bị công nghệ thi công hiện đại luôn là yếu tố chủ yếu quyết định trong việc đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo chất lượng công trình. Do vậy, Công ty luôn chú trọng sử dụng các máy móc hiện đại của các nước Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc ...

Mặc dù năng lực thiết bị hiện tại đang đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, thi công, tuy nhiên trong thời gian tới, tùy theo nhu cầu thi công công trình, Công ty vẫn cần đầu tư thêm máy móc thiết bị mới để thay thế các thiết bị cũ nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả thi công.

Danh mục một số máy móc thiết bị chính của Công ty như sau:

TT	Tên máy móc, thiết bị	Năm sử dụng	Chỉ tiêu Kỹ thuật	Nơi sản xuất
I	Máy lu rung			
1	Lu AMAM	2000	80%	Đức
2	Lu KOMATSU	2005	80%	Nhật
3	Lu 1 Cầu LIUGONG	2008	100%	Trung Quốc
4	Lu 2 Cầu LIUGONG	2008	100%	Trung Quốc
5	Lu SAIKAI SV 512D	2006	100%	Nhật
6	Lu SAIKAI SV 520D	2014	100%	Nhật
7	Lu rung Hamm 3410	2015	100%	Đức
II	Máy lu tĩnh, lu lóp, lu mũi			
1	Lu SAIKAIHAM	2003	80%	Nhật
2	Lu SAIKAI KD 120	2001	80%	Nhật
3	Lu WOANTANABE	1998	80%	Nhật
4	Lu SAIKAI KL 7610	2008	80%	Nhật

TT	Tên máy móc, thiết bị	Năm sử dụng	Chỉ tiêu Kỹ thuật	Nơi sản xuất
5	Lu 7 Bánh SAKAI (KANTO)	2014	80%	Nhật
6	Lu rung 2 bánh sắt Bomag	2015	85%	Đức
b.2	Máy xúc			
1	Máy đào KOMATSU PC 200-5	2001	80%	Nhật
2	Máy đào KOBELKO SK 100	2001	80%	Nhật
3	Máy đào KOMATSU PW 130	2003	80%	Nhật
4	Máy đào CAT 320B	2005	80%	Mỹ
5	Máy đào CAT 320C	2007	80%	Mỹ
6	Máy đào CAT 320C	2007	80%	Mỹ
7	Máy đào KOMATSU PC 200-6	2009	80%	Nhật
8	Máy đào KOMATSU PC 200-7	2008	100%	Thái Lan
9	Máy đào CAT 320C	2008	80%	Nhật
10	Máy đào CAT 320B	2010	80%	Nhật
11	Máy đào PC 400 -6LK	2013	80%	Mỹ
12	Máy Xúc KAWASAKI KLD70	2004	80%	Nhật
13	Máy đào Hitachi ZX240-5G	2016	100%	Nhật
b.3	Máy ủi			
1	Máy ủi KOMATSU D60P	2001	80%	Nhật
2	Máy ủi KOMATSU D60P-6	2007	80%	Nhật
3	Máy ủi KOMATSU D 31	2014	80%	Nhật
b.4	Máy san			
1	Máy san KOMATSU GD 30	2001	80%	Nhật
2	Máy San KOMATSU GD 31	2005	80%	Nhật

TT	Tên máy móc, thiết bị	Năm sử dụng	Chỉ tiêu Kỹ thuật	Nơi sản xuất
3	Máy san MITSUBISHI MG 3	2010	80%	Nhật
b.5	Máy rải			
1	Máy rải VOGELE S1800-1	2014	80%	Đức
b.6	Máy phát điện, nén khí			
1	Máy điện Mitshubishi	2004	80%	Nhật
2	Máy ép hơi Komatsu	2009	80%	Nhật
3	Máy ép hơi Airman	2006	80%	Nhật
4	Máy ép hơi Komatsu	2011	80%	Nhật
b.7	Thiết bị sản xuất đá			
1	Máy xay đá 186-187	2005	80%	Nga
2	Giàn khoan BMK5	2004	80%	Nga
b.8	Thiết bị sản xuất AC, bê tông			
1	Trạm trộn BTXM	2010	100%	Việt Nam
2	Trạm đúc cổng rung	2003	100%	Việt Nam
b.9	Thiết bị đo đạc, TN			
1	Máy toàn đạc điện tử Leica	2015	100%	Thụy sỹ
2	Máy toàn đạc điện tử Topcon GTS102N	2016	100%	Trung Quốc
b.10	Thiết bị khác			
1	Máy trộn bê tông 750L	2002	100%	Nga
2	Máy Photocopy Toshiba	2009	100%	Nhật

Nguồn: Công ty 145

8.1.8. Logo, nhãn hiệu thương mại:





8.1.9. Các hợp đồng đang thực hiện và đã được ký kết:

TT	Tên công trình	Số, Ngày, tháng ký HĐ	Giá trị hợp đồng (hợp đồng điều chỉnh)	Khởi công - Hoàn thành	Tên Chủ đầu tư/Cơ quan ký hợp đồng
1	Đường TTBG Kontum (gói 5)	Số 413/HĐTC-XD; ngày 26/12/08 PLBSHĐ lần 6 ngày 08/11/2013	81,624,000	2008-2014	Ban quản lý dự án 47/BTTM
2	Gói thầu số 11 QL1, Phú Yên	Số 2484/2013/HĐKT, ngày 06/12/2013; Phụ lục BSHĐ số 3217/2015/PLHĐ, ngày 27/10/2015;	52,819,072	2014-2015	Ban QLDA Thăng Long
3	Gói thầu số 12 QL1, Phú Yên	Số 2485/2013/HĐKT, ngày 06/12/2013; Phụ lục BSHĐ số 2587/2015/PLHĐ, ngày 27/8/2015;	161,103,820	2014-2015	Ban QLDA Thăng Long
4	Gói thầu XL2 - La Sơn - Túy Loan	Số: 1322/2015/HĐNBB-LS-TL ngày 11/06/2015	63,160,676	2015-2016	Ban điều hành dự án BT La Sơn - Túy Loan
5	Gói thầu số 5: Dự án nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh, tỉnh Đắk Lắk	Số: 135/2013/HĐTC-Đ ngày 16/12/2013; BSHĐ số 04/BS ngày 19/01/2016;	42,780,952	2013-2015	Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh
6	Gói 22- Hồ chứa nước Suối Vực	Số 07/2011/HĐXD-ĐĐ22; 12/12/11; PL số 09/2015/PLHĐXD-	72,131,536	2011-2015	BQL dự án thủy lợi và phòng chống

TT	Tên công trình	Số, Ngày, tháng ký HĐ	Giá trị hợp đồng (hợp đồng điều chỉnh)	Khởi công - Hoàn thành	Tên Chủ đầu tư/Cơ quan ký hợp đồng
		ĐĐ22, 20/8/2015.			thiên tai tỉnh Phú Yên
7	Gói Đ32 - Trường Sơn Đông	Số: 27/2010/HĐ-TCXD; 16/12/2010; PL số 07/PLHĐ ngày 30/8/2015.	75,222,822	2011-2014	Ban quản lý dự án 46/BTTM
8	Gói thầu Đ28 - Trường Sơn Đông	Số: 21/2008/HĐ-TCXD; 08/4/2008; PL số 08/PLHĐ ngày 26/5/2014;	47,068,018	2008-2010	Ban quản lý dự án 46/BTTM
9	Gói thầu Đ21 - Trường Sơn Đông	Số: 44/2008/HĐ-TCXD; 25/9/2008 PL số 09/PLHĐ ngày 10/9/2015	64,872,563	2008-2013	Ban quản lý dự án 46/BTTM
10	Dự án thủy điện Krong Pa 2	Số: 29/2016/HĐ-TCXD; 06/5/2016	63,713,783	2016-2017	Công ty CP Gia Lâm

Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên 145

8.2. Tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2014	Năm 2016	Tăng /giảm so với năm 2015
1	Doanh thu	175.740	237.222	35,0%	114.134	(51,4%)
2	Vốn kinh doanh	160.932	146.092	(9,2%)	127.898	(12,5%)
3	Vốn nhà nước (*)	30.636	30.864	0,7%	34.864	13,0%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.105	1.143	3,4%	-	(100%)
5	Lợi nhuận sau thuế	862	892	3,5%	-	(100%)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tăng /giảm so với năm 2014	Năm 2016	Tăng /giảm so với năm 2015
6	Thu nhập bình quân người/đồng/tháng	6,5	7,6	16,9%	7,2	(5,3%)
7	Các khoản thu nộp ngân sách	3.391	3.294	(2,9%)	1.794	(45,5%)
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn kinh doanh	0,3%	0,5%	64,7%	0%	(100%)
9	Nợ phải trả	130,297	115.228	(11,6%)	93.034	(19,3%)
10	Tỷ suất LNST/ Vốn NN (ROE)	2,8%	2,9%	2,7%	0%	(100%)
11	Tỷ số thanh toán nhanh	0,67	0,52	(22,1%)	0,57	9,6%
12	Tỷ số thanh toán ngắn hạn	1,17	1,28	9,1%	0,77	(39,8%)
13	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,81	0,79	(2,6%)	0,73	(7,6%)
14	Hệ số nợ phải trả/ Vốn CSH	4,25	3,73	(11,2%)	2,67	28,5%
15	Vòng quay phải thu của khách hàng	3,27	8,86	170,7%	3,84	(56,6%)

Nguồn: BCTC quyết toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty TNHH Một thành viên 145

(*) Năm 2016, Công ty được cấp thêm vốn 4 tỷ đồng để thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản (xây dựng trụ Sở mới tại Nha Trang, Khánh Hòa).

Công nợ phải thu qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Phải thu ngắn hạn	58.948	27.383	35.741
- Phải thu của khách hàng	53.708	26.518	29.579
- Trả trước cho người bán	4.255	-	-

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
- Các khoản phải thu khác	1.225	1.090	6.386
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(239)	(225)	(225)
Phải thu dài hạn	-	19.749	27.801
- Phải thu dài hạn của khách hàng	-	16.966	25.108
- Trả trước cho người bán dài hạn	-	2.783	2.576

Nguồn: BCTC quyết toán năm 2014, 2015, 2016 Công ty TNHH Một thành viên 145

Công nợ phải trả qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2016
Nợ ngắn hạn	121.884	89.619	93.034
- Vay và nợ ngắn hạn	53.464	47.681	40.810
- Phải trả người bán ngắn hạn	30.688	12.134	13.366
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	23.951	6.424	13.089
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.391	3.294	1.794
- Phải trả người lao động	2.418	6.342	3.180
- Phải trả nội bộ	5.853	12.145	-
- Phải trả ngắn hạn khác	1.511	1.068	1.099
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	606	531	-
Nợ dài hạn	8.413	25.609	19.696
- Vay và nợ dài hạn	8.413	7.352	5.497
- Phải trả dài hạn người bán	-	18.057	9.929
- Người mua trả trước dài hạn	-	200	4.270

Nguồn: BCTC quyết toán năm 2014, 2015, 2016 của Công ty TNHH Một thành viên 145

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi:

- Công ty luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ giúp đỡ của ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, các địa phương như Gia Lai, Lâm Đồng, Huế, các Ban quản lý dự án (46, 47) và các cơ quan chức năng giúp đỡ Công ty trong quá trình hoạt động, kinh doanh.
- Với bề dày lịch sử hơn 35 năm hoạt động, với kinh nghiệm đã tích lũy qua các thời kỳ, trình độ kỹ thuật của các Cán bộ công nhân viên đáp ứng cho nhu cầu thi công đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thi công các công trình lớn, phức tạp.
- Tận dụng được nguồn việc chuyển tiếp từ các năm trước sang, giá cả các mặt hàng chủ yếu ổn định, đặc biệt giá thép và xăng dầu giảm mạnh tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất; người lao động yên tâm, phấn khởi, nội bộ đoàn kết thống nhất cao.
- Công tác đầu tư tăng năng lực thiết bị được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, có trọng tâm, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.
- Công tác huy động vốn đảm bảo cho sản xuất đã được các cấp ủy, chỉ huy tập trung chỉ đạo, lãnh đạo có hiệu quả.
- Công tác hạch toán kế toán tại các đơn vị trực thuộc có bước chuyển biến tích cực. Duy trì nề nếp chế độ báo cáo, quyết toán Tài chính, tăng cường kiểm tra kiểm soát tình hình Tài chính; kịp thời phát hiện, khắc phục những sơ hở, yếu kém, không để xảy ra sai phạm trong công tác quản lý Tài chính.
- Công ty đã đảm bảo việc làm đời sống và chế độ chính sách đối với người lao động; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường đối thoại trực tiếp giữa Giám đốc đối với người lao động, không khí dân chủ được cải thiện, những vấn đề vướng mắc, bức xúc cơ bản được giải quyết kịp thời.

❖ Khó khăn:

- Cạnh tranh, tìm kiếm việc làm trên thị trường ngày càng gay gắt.
- Quy mô vốn tự có còn hạn chế so với nhiều doanh nghiệp xây dựng khác, hoạt động sản xuất kinh doanh phần lớn dựa vào nguồn vốn vay làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

- Công tác nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ tại một số công trình còn chậm ảnh hưởng đến quay vòng vốn cho sản xuất của Công ty.
- Một số máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất đã cũ, lạc hậu cần phải được đầu tư, thay thế, nâng cấp.
- Công tác quản lý, điều hành ở một số đơn vị còn thiếu chủ động, chưa thật sự quyết liệt; sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng với đơn vị sản xuất còn thiếu linh hoạt và chưa thật sự gắn kết chặt chẽ.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với truyền thống hơn 35 năm xây dựng và phát triển từ một đơn vị làm đường Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ được Nhà nước chuyển đổi thành đơn vị làm kinh tế. Công ty TNHH Một thành viên 145 đã tích lũy nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng.

Hiện nay, Công ty là một trong những đơn vị dẫn đầu, có kinh nghiệm và có đủ năng lực thi công cũng như thương hiệu trong phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực miền Trung Tây Nguyên, tham gia xây dựng nhiều công trình quan trọng cho Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn và các tỉnh Gia Lai, Kontum, Phú Yên, Bình Định

9.2. Triển vọng phát triển của ngành

Trong những năm vừa qua, lĩnh vực xây dựng và phát triển hạ tầng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế với giá nguyên vật liệu tăng cao, lãi suất tăng cao, thị trường bất động sản trầm lắng, các dự án đầu tư công tạm dừng do thiếu hụt vốn... đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngành.

Gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngành Xây dựng và phát triển hạ tầng tiếp tục chuyển biến tích cực. Lãi suất ngân hàng điều chỉnh giảm đã giúp cho các doanh nghiệp tiếp cận được vốn vay, giá vật liệu xây dựng ổn định cùng với sự khởi động của các dự án đầu tư tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động kinh doanh.

Việt Nam là nước đang phát triển, nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông rất lớn để kết nối các vùng kinh tế. Riêng đối với khu vực miền Trung, trong Quyết định số 2054/QĐ-TTg ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải vùng kinh tế trọng điểm miền trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

đã đưa ra các mục tiêu, quy hoạch phát triển như sau:

- **Mục tiêu về kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2020:**

Phần đầu đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống quốc lộ hiện có, trong đó ưu tiên nâng cấp mở rộng quốc lộ 1, các trục ngang nối các tỉnh trong Vùng và các vùng khác trong cả nước. Hoàn thành tuyến cao tốc La Sơn - Túy Loan, Đà Nẵng - Quảng Ngãi. Triển khai xây dựng tuyến Cam Lộ - La Sơn và Quảng Ngãi - Bình Định theo Quy hoạch mạng đường bộ cao tốc. Phần đầu đưa vào cấp kỹ thuật hệ thống đường tỉnh và mở mới một số tuyến cần thiết. Tiếp tục phát triển giao thông nông thôn, phần đầu 100% đường huyện, tối thiểu 70% đường xã được cứng hóa bằng nhựa hoặc bê tông xi măng; đường huyện đạt tối thiểu cấp V, đường xã đạt tối thiểu cấp VI; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; tối thiểu 50% đường thôn xóm được cứng hóa, đạt loại A trở lên; 50% đường trục chính nội đồng được cứng hóa, phương tiện cơ giới đi lại thuận tiện. Xây dựng đường ven biển theo quy hoạch.

- **Định hướng phát triển đến năm 2030:**

Cơ bản hoàn thiện và hiện đại hóa mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông; kết nối thuận lợi giữa các phương thức vận tải, giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng, với cả nước và quốc tế. Tiếp tục xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng khác theo quy hoạch. Các tuyến đường bộ cao tốc cơ bản được hoàn thành; xây dựng một số đoạn trên tuyến đường sắt đôi Bắc - Nam; hoàn thành xây dựng các tuyến đường sắt, đường bộ kết nối tới các cảng biển; hình thành và phát triển mạng lưới đường sắt đô thị tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế.

- **Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông:**

+ Xây dựng các trục đường cao tốc Bắc - Nam trong vùng dài 483 km, trong đó gồm: Hoàn thành đoạn Đà Nẵng - Quảng Ngãi; đoạn La Sơn - Túy Loan; Huy động các nguồn vốn để tiếp tục đầu tư đoạn Cam Lộ - La Sơn, dài khoảng 98 km và đoạn Quảng Ngãi - Bình Định, dài khoảng 170 km, quy mô 4 làn xe;

+ Nghiên cứu xây dựng tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku dài khoảng 160 km, dự kiến quy mô 4 làn xe.

+ Xây dựng các tuyến quốc lộ: Quốc lộ 1 từ Phong Điền (tỉnh Thừa Thiên Huế) đến Đèo Cù Mông (tỉnh Bình Định) dài khoảng 460 km; Đường Hồ Chí Minh Nhánh phía Tây từ đèo Pe Ke (tỉnh Thừa Thiên - Huế) đến Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 150 km; nhánh phía Đông từ Cam Lộ - La Sơn - Túy Loan theo quy hoạch cao tốc; Tuyến Đông Trường Sơn: Đoạn trong Vùng từ thị trấn Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam) đến xã Sơn Lập (tỉnh Quảng Ngãi), dài

khoảng 175 km; Quốc lộ 14B Từ Tiên Sa (thành phố Đà Nẵng) đến Thạnh Mỹ (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 74 km; Quốc lộ 14D từ Giăng đến cửa khẩu Đắc Tà Oóc biên giới Việt Lào (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 75 km; Quốc lộ 14E hoàn thiện nâng cấp đoạn từ quốc lộ 1A (ngã ba Cây Cốc - Thăng Bình) đến thị trấn Khâm Đức đường Hồ Chí Minh (tỉnh Quảng Nam), dài khoảng 79 km; các tuyến quốc lộ 24, 24B, 19, 1D, 40B, 24C, 14G, 14B, 49B, 19C ...

Như vậy từ những phân tích đã được đưa ra ở trên, trong các năm tiếp theo triển vọng phát triển của ngành xây dựng và phát triển hạ tầng là rất lớn.

9.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Trong suốt quá trình hoạt động và phát triển, Công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu chính là lấy ngành xây dựng và phát triển hạ tầng làm nòng cốt. Cùng với việc khẳng định, nâng cao uy tín trong các công trình đã thi công, Công ty cũng đã mạnh dạn chuyển hướng sang các công trình đòi hỏi yếu tố kỹ thuật cao như các công trình giao thông trọng điểm để tích lũy kinh nghiệm, nâng cao hình ảnh cũng như thương hiệu.

Bên cạnh đó, theo chủ trương về cổ phần hóa doanh nghiệp, Công ty cũng quyết tâm chuyển đổi mô hình hoạt động sang hình thức công ty cổ phần nhằm đổi mới phương thức quản lý, huy động các nguồn lực từ xã hội nhằm đáp ứng các yêu cầu sản xuất trong thời kỳ mới, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

VI. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên Công ty cổ phần, ngành nghề kinh doanh

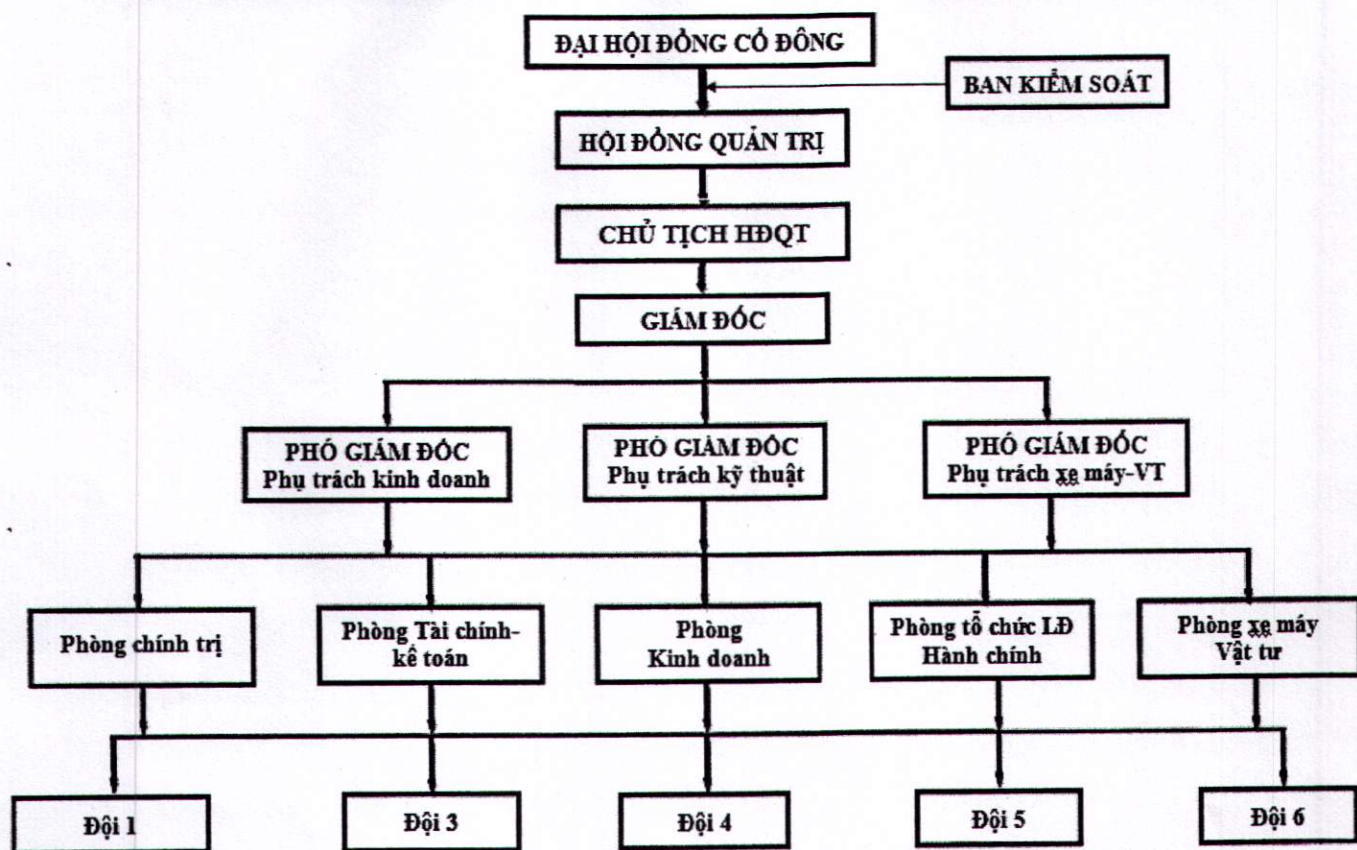
- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN TRƯỜNG SƠN 145
- Tên tiếng anh : TRUONG SON 145 JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : Công ty 145
- Trụ sở chính : Km 75, Quốc lộ 19 - Phường Ngô Mây - Thị xã An Khê - Gia Lai.
- Điện thoại : 059 3833005
- Fax : 059 3833285
- **Ngành nghề kinh doanh**

Sau khi chuyển sang Công ty cổ phần, Công ty vẫn tập trung hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề kinh doanh như trước cổ phần hóa và mở rộng thêm một số ngành nghề kinh

doanh khác, cụ thể như sau:

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
5	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
6	Xây dựng công trình công ích	4220
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
8	Phá dỡ	4311
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, và điều hòa không khí	4322
10	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
11	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
12	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
13	Các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm	

2. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần



Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

❖ Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

❖ Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Công ty thông qua Ban Điều hành.

❖ Ban kiểm soát (BKS)

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động

quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ, như: Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong việc quản lý, điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao; Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản kinh doanh và tài chính công ty; Yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra, là thành viên chuyên trách của HĐQT thực hiện điều hành và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ.

❖ Giám đốc và các Phó Giám đốc

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc theo luật định, theo Điều lệ của Công ty, v.v... và giải quyết những vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp hoặc ủy quyền cho Giám đốc.

Giám đốc điều hành chung các hoạt động của Công ty và trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực. Giám đốc bằng quyết định của mình phân công cho các Phó Giám đốc phụ trách một số lĩnh vực cụ thể. Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Giám đốc có thể điều chỉnh lại sự phân công công việc giữa các Phó Giám đốc. Khi cần thiết Giám đốc có thể ủy quyền cho Phó Giám đốc thực hiện một số nhiệm vụ của Giám đốc.

❖ Các phòng ban nghiệp vụ

Các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ gồm: Phòng Kế toán Tài chính, Phòng Tổ chức lao động - Hành chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Xe máy - Vật tư, Phòng Chính trị, Xí nghiệp trực thuộc, Đội xây dựng công trình có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Thời gian đầu sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ giữ nguyên mô hình tổ chức, biên chế, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban. Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ rà soát, kiện toàn cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

❖ Các đội thi công công trình

Về cơ bản 5 đội thi công công trình vẫn giữ nguyên chức năng và nhiệm vụ như trước cổ phần hóa.

❖ Các tổ chức chính trị và chính trị - xã hội:

Công ty cổ phần có Đảng bộ, Công đoàn, Đoàn Thanh niên.

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi thực hiện cổ phần hoá

3.1. Các chỉ tiêu chính 3 năm sau khi cổ phần hóa

Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kể sau khi cổ phần hoá:

TT	Chỉ tiêu	Đ.vị tính	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	29.769	29.769	29.769
2	Tổng tài sản	Triệu đồng	152.423	160.045	168.146
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	29.769	30.660	31.581
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	165.455	182.727	200.909
5	Tổng chi phí	Triệu đồng	161.318	178.159	195.886
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	4.137	4.568	5.023
7	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.227	3.563	3.918
8	Lao động bình quân	Người	140	140	140
9	Thu nhập bình quân/người/tháng	Đồng	8.000.000	8.500.000	9.000.000
10	Nộp ngân sách	Triệu đồng	7.250	7.975	8.773
11	Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	%	10,84	11,62	12,41
12	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	đồng	1,084	1,197	1,316
13	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	% năm	8	9	10
14	Trích lập các quỹ	Triệu đồng	645	713	784
	- Quỹ ĐTPT	%/LNST	10%	10%	10%
	- Quỹ KTPL	%/LNST	10%	10%	10%

Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

3.2. Các giải pháp để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2017-2019 đã đề ra, Công ty đưa ra các nhóm giải pháp gồm:

❖ **Về ngành nghề:**

Tập trung nguồn lực phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống là xây dựng cầu, đường, thủy lợi và các công trình hạ tầng kỹ thuật dân dụng khác.

❖ **Giải pháp về tài chính, vốn:**

Cân đối bảo đảm tốt nguồn tài chính cho sản xuất kinh doanh. Bố trí cơ cấu vốn hợp lý, nhằm tận dụng tối đa tiền vốn hiện có. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả công tác Tài chính, huy động, phân bổ, điều tiết vốn đáp ứng yêu cầu về tiến độ của các công trình. Tăng cường công tác nghiệm thu, thanh quyết toán công trình hoàn thành. Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ tránh ứ đọng vốn.

Tập trung xây dựng củng cố hệ thống quản lý tài chính, cán bộ và nhân viên tài chính từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc, có sự đầu tư thích đáng cả về tổ chức, con người và cơ chế để nâng cao năng lực quản lý tài chính. Duy trì nền nếp chế độ báo cáo theo điều lệ công tác tài chính, tích cực học hỏi và ứng dụng những mô hình quản lý mới để nâng cao hiệu quả quản lý. Cấp ủy, chỉ huy các cấp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác tài chính, tổ chức quán triệt thực hiện nghiêm túc các quy chế, quy định về quản lý tài chính; tăng cường công tác quản lý vốn, quản lý tài sản không để thất thoát; tích cực phòng chống tham nhũng, lãng phí, thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý tài chính; người chỉ huy phải chịu trách nhiệm cá nhân nếu không chấp hành việc báo cáo tình hình tài chính với tập thể cấp ủy theo quy định. Kiên quyết xử lý trách nhiệm cá nhân những cán bộ đơn vị thua lỗ, chấp hành không nghiêm quy chế quản lý tài chính. Huy động tối đa mọi nguồn lực tài chính tập trung ưu tiên cho sản xuất; chủ động, linh hoạt khắc phục khó khăn, vướng mắc, không để ách tắc sản xuất do thiếu vốn. Đặc biệt, quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ với các Chủ đầu tư để chủ động khai thông nguồn vốn. Tập trung đầu tư cán bộ có năng lực, có cơ chế thích hợp để đẩy mạnh công tác hồ sơ hoàn công, bù giá, điều chỉnh giá, nghiệm thu thanh toán thu hồi vốn; phát huy vai trò của Ban thu hồi công nợ; gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả nghiệm thu, thanh toán, thu hồi công nợ. Đặc biệt, quan tâm đánh giá chính xác và có giải pháp thích hợp để giảm dần nợ phải thu, giảm giá trị dở dang, tránh rủi ro, mất cân đối về tài chính.

Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Công ty và giữa cơ quan với đơn vị sản xuất trong công tác quản lý tài chính, Vật tư - xe máy thiết bị; Kiểm soát chặt chẽ các chi phí sản xuất... phát hiện và có giải pháp ngăn chặn kịp thời những đơn vị có dấu hiệu thua lỗ. Điều hành sản xuất

hợp lý, khoa học, triệt để tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí; Thực hiện nghiêm túc quy định của Công ty về quyết toán khoán, quyết toán tài chính.

❖ **Giải pháp về thị trường**

Củng cố vững chắc các thị trường truyền thống, các tỉnh: Gia Lai, Phú Yên, Bình Định . Bám sát các dự án thuộc: Tổng công ty; Ban quản lý dự án 46, 47 và các dự án thuộc địa bàn chuyên hải Miền Trung Tây Nguyên. Tiếp tục phát triển mở rộng các địa bàn, thị trường mới do Bộ Giao thông vận tải và các Tập đoàn kinh tế trong nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Thường xuyên cập nhật thông tin, nắm chắc tình hình và đặc thù của thị trường việc làm để có những nhận định, quyết sách hợp lý.

Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên danh, liên kết với các công ty bạn, xây dựng mối quan hệ tốt để cùng nhau phát triển.

Chú trọng đầu tư mở rộng sang các lĩnh vực sản xuất, cung ứng vật liệu xây dựng, các cấu kiện bán thành phẩm.

❖ **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**

Tận dụng tối đa nguồn nhân lực sẵn có tại Công ty, thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, cử nhân sự tham gia khóa đào tạo huấn luyện về kỹ thuật, tài chính, quản lý nhân sự ... nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV để đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ.

Tìm kiếm và phát triển nguồn nhân lực có trình độ năng lực cao trong thời gian tới nhằm đáp ứng nhu cầu trong thi công xây dựng công trình trọng điểm, phức tạp.

❖ **Giải pháp về công tác quản lý xây dựng công trình:**

Củng cố công tác quản lý tổ chức thi công theo đúng quy trình, quy định, bảo đảm bài bản, chuyên nghiệp. Tăng cường bảo đảm nhân lực, cán bộ kỹ thuật hiện trường đặc biệt là đội ngũ chỉ huy trưởng công trường, tránh tình trạng quá tải, thiếu kiểm soát ở những đơn vị có sản lượng lớn dẫn tới không đảm bảo tiến độ, chất lượng. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chất lượng, tiến độ thi công các công trình, bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng. Thực hiện nghiêm các quy trình về cấp ứng vốn, quản lý tiến độ, chất lượng.

❖ **Giải pháp về trang thiết bị:**

Tùy theo tình hình và nhu cầu sản xuất, từng bước đầu tư đổi mới mua sắm trang thiết bị phục vụ thi công thay cho các thiết bị cũ, hiệu suất thấp.

❖ **Giải pháp về quản trị rủi ro:**

Xây dựng chính sách chung về quản trị rủi ro, tạo ra sự nhận thức đầy đủ cũng như trách nhiệm của lãnh đạo Công ty và các bộ phận chuyên môn về rủi ro.

Xây dựng, ban hành, cập nhật sửa đổi bổ sung các quy chế quy định quản lý nội bộ, đảm bảo các hoạt động quản trị, điều hành cũng như tham mưu thừa hành nhiệm vụ phải công khai, minh bạch. Có sự phân công phân nhiệm rõ ràng trong lãnh đạo và các phòng ban trong hoạt động ngăn ngừa, kiểm soát rủi ro.

Đổi mới và nghiêm túc thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ cũng như kiểm tra, kiểm soát đối với các đơn vị phụ thuộc theo quy định. Nâng cao trình độ chuyên môn và vị thế của bộ phận quản lý an toàn tại các dự án, công trường.

4. Cơ cấu lao động của Công ty sau cổ phần hoá

TT	Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ	145	100
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	41	21,28
3	Cao đẳng	10	6,90
4	Trung cấp các loại	32	22,07
5	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	62	42,75
II	Phân theo lao động	145	100
1	Sĩ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	93	64,14
2	Công nhân viên quốc phòng (sẽ chuyển sang ký Hợp đồng lao động)	16	11,03
3	Chiến sỹ	08	5,52
4	Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	28	19,08
5	Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	0	0
III	Phân loại theo giới tính	145	100

TT	Đối tượng lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
1	Nam	138	95,17%
2	Nữ	7	4,83%

Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

5. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

❖ Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 29.769.700.000 đồng.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần: 2.976.970 cổ phần.

❖ Cơ cấu cổ đông

TT	Danh mục	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ phần nhà nước	1.071.709	10.717.090.000	36,00
2	Cổ phần bán cho CBCNV, trong đó:	180.300	1.803.000.000	6,06
2.1	Cổ phần bán ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất	161.700	1.617.000.000	5,43
2.2	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (200 CP/năm công tác)	2.000	20.000.000	0,07
2.3	Cổ phần đăng ký mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho Công ty (500 CP/năm công tác)	16.600	166.000.000	0,56
3	Cổ phần bán cho Tổ chức công đoàn	44.655	446.550.000	1,50
4	Cổ phần bán ra bên ngoài	1.680.306	16.803.060.000	56,44
4.1	Nhà đầu tư chiến lược	-	-	0

TT	Danh mục	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ nắm giữ
4.2	Bán đấu giá công khai	1.680.306	16.803.060.000	56,44
	Tổng Cộng	2.976.970	29.769.700.000	100%

Nguồn Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

VII. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Phương thức bán

❖ Đối với người lao động

a) *Cổ phần ưu đãi giảm giá (giảm 40% bán cho NLD) theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP*

- Tổng số lao động tại thời điểm 17/10/2016 : 145 người
- Tổng số LĐ được mua CP theo giá ưu đãi : 137 người
- Tổng số năm công tác : 1.622 năm
- Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi : 162.200 cổ phần, tương đương 5,45% Vốn điều lệ
- Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi : 161.700 cổ phần, tương đương 5,43% Vốn điều lệ
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Hạn chế chuyển nhượng : Không
- Giá bán cổ phần ưu đãi : 60% giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá
- Thời gian thực hiện dự kiến : Sau khi thực hiện đấu giá công khai

b) *Cổ phần đăng ký mua thêm theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP.*

- Tổng số cổ phần ưu đãi đăng ký mua thêm theo diện : 18.600 cổ phần, tương đương 0,63% Vốn điều lệ

- Mua thêm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP (200cp/1 năm) : 2000 cổ phần, tương đương 0,07% Vốn điều lệ
- Mua thêm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 NĐ 59/2011/NĐ-CP (500cp/1 năm) : 16.600 cổ phần, tương đương 0,56% Vốn điều lệ
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Hạn chế chuyển nhượng : Hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc
- Giá bán : Bằng giá bán thành công thấp nhất của cuộc bán đấu giá
- Thời gian thực hiện dự kiến : Sau khi thực hiện đấu giá công khai

❖ **Đối với cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn**

Tổ chức Công đoàn công ty đăng ký mua 44.655 cổ phần, tương đương 1,5% Vốn điều lệ. Giá mua ưu đãi bằng 60% giá đấu thành công bình quân khi tổ chức bán đấu giá công khai.

❖ **Đối với cổ phần thực hiện đấu giá công khai**

- Số cổ phần tổ chức bán đấu giá: 1.680.306 cổ phần, tương ứng 56,44% Vốn điều lệ
- Đối tượng tham gia đấu giá: Tất cả các nhà đầu tư là tổ chức hoặc cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức thực hiện bán đấu giá: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

❖ **Đối với cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược**

Công ty không có nhà đầu tư chiến lược

2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai: phương thức và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định cụ thể trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành;
- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên: do Ban Chỉ đạo cổ phần hoá quy định.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ CỔ PHẦN HOÁ

1. Dự kiến số tiền thu được từ cổ phần hóa

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	29.769.700.000
2	Vốn nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	29.769.741.973
3	Tiền thu từ cổ phần hóa	18.227.190.000
A	Thu từ bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV và Công đoàn công ty (theo giá ưu đãi dự kiến 6.000 đồng/cổ phần)	1.238.130.000
B	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV mua thêm	186.000.000
C	Thu từ bán cho cổ đông chiến lược	0
E	Thu từ bán cổ phần ra bên ngoài thông qua đấu giá	16.803.060.000
4	Giá trị cổ phần theo giá khởi điểm bán cho CBCNV, Tổ chức công đoàn, cổ đông chiến lược, bán đấu giá ra bên ngoài	18.606.060.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm (5) = (1) - (2)	0
6	Chi phí cổ phần hóa đơn vị thực hiện	826.500.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	0
8	Chi phí thôi việc đối với Công nhân viên quốc phòng	270.068.975
9	Chi phí chờ hưu của Sỹ quan, Quân nhân chuyên nghiệp	0
10	Phần thặng dư để lại doanh nghiệp tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm/vốn điều lệ (10) = { (3) - (4) - (6) - (7) } x { (5)/(1) }	0
11	Tổng số hoàn vốn ngân sách (11) = (3) - (5) - (6) - (7) - (8) - (9)	17.130.621.025

Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH Một thành viên 145

2. Phương án xử lý số tiền thu được từ cổ phần hóa

- Số tiền thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp sau khi sử dụng để thanh toán chi phí cổ phần hóa theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 42 Nghị định 59/2011/NĐ-CP. Số tiền thu được từ cổ phần hóa còn lại (bao gồm cả chênh lệch giá bán cổ phần) Nộp về Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

- Trường hợp phần thu từ cổ phần hóa không đủ để thanh toán chi phí cổ phần hóa thì được bổ sung từ nguồn Quỹ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 42 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP.

IX. KẾ HOẠCH THAM GIA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Số cổ phần mua qua đấu giá sẽ được đăng ký và lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Thông tư số 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính.

Sau khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp), Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch theo Quy định tại Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Chính phủ.

X. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC CỔ PHẦN HÓA

1. Rủi ro về nền kinh tế

❖ *Tăng trưởng kinh tế:*

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP 2016 ước đạt tăng 6,21% so với năm 2015. Trong đó, quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%, quý IV tăng 6,68%. Ngoài sự sụt giảm sâu của công nghiệp khai khoáng, các yếu tố về thiên tai và môi trường cũng là nguyên nhân khiến cho tăng trưởng GDP Việt Nam không đạt chỉ tiêu. Theo đó, năm 2016, Việt Nam đã mất gần 1% GDP (khoảng 1,7 tỷ USD) bởi thiên tai, hạn hán. Trong đó, tuy kết quả cả năm dương nhưng nhóm ngành nông – lâm – thủy sản vẫn chịu tác động mạnh mẽ nhất với 6 tháng đầu năm tăng trưởng âm.

Dù vậy, theo Tổng cục thống kê mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng là 6,7% đã đề ra nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, trong nước gặp nhiều khó khăn thì mức trên đã là một thành công. Cán cân thương mại tiếp tục giữ ổn định với kim ngạch hàng hóa xuất khẩu năm 2016 ước đạt 175,9 tỷ USD tăng 8,6% so với năm 2015.

Một điểm sáng là số doanh nghiệp thành lập mới tăng kỷ lục thể hiện sự cải thiện môi trường kinh doanh và nỗ lực của Chính phủ mới trong việc thực thi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp. Tính chung cả năm 2016, số doanh nghiệp thành lập mới đạt mức kỷ lục với 110,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015.

❖ *Lạm phát:*

Theo các số liệu do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố: mức lạm phát ở Việt Nam trong năm 2016 là 2,66% tuy cao hơn so với mức thấp kỷ lục của năm 2015 là 0,63%. Nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình những năm trở lại đây và nằm trong giới hạn 5% vào năm 2016 mà Quốc hội đề ra. Theo Tổng cục Thống kê, mức lạm phát 2015 đã xuống thấp như vậy, chủ yếu là nhờ giá dầu trên thế giới giảm mạnh. Điều này thể hiện lạm phát vẫn được kiểm soát và điều tiết bằng những chính sách vĩ mô hiệu quả của Chính phủ.

Tỷ lệ lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp Công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

2. **Rủi ro về luật pháp**

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nên hệ thống pháp lý cũng đang dần hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây lên không ít khó khăn cho cả cơ quan hữu quan lẫn những cá nhân, tổ chức thực hiện. Công ty sau cổ phần hóa sẽ hoạt động theo Luật doanh nghiệp và chịu sự điều tiết của các văn bản pháp luật liên quan, do vậy những thay đổi về môi trường pháp luật sẽ tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù**

Đặc thù của hoạt động xây lắp là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu được thực hiện theo từng giai đoạn. Bên cạnh đó, quá trình thi công còn phụ thuộc vào các yếu tố như mặt bằng, quy hoạch của Nhà nước.

Sắt, thép, xi măng ... là những nguyên vật liệu xây dựng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất. Sự biến động về giá cả của nguyên vật liệu có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở địa bàn thi công và mức độ nhu cầu nguyên vật liệu của công trình theo từng giai đoạn để lựa chọn mua vật tư, hạn chế lượng nguyên vật liệu tồn kho, tăng cường công tác tiết kiệm, hạn chế hao hụt vật tư.

4. **Rủi ro của đợt chào bán**

Đợt chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam vẫn còn nhiều khó khăn, thị trường chứng khoán biến động bất thường ... vì thế sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến đợt chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của doanh nghiệp. Việc bán đấu giá cổ phần có thực hiện thành công hay không không chỉ phụ thuộc vào doanh nghiệp bán đấu giá cổ phần mà còn phụ thuộc vào mức độ quan tâm của các nhà đầu tư.

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giảm giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang Công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là 0h00 ngày 01/01/2016) thì xử lý như sau:

5.1. Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; địch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

5.2. Nếu do nguyên nhân chủ quan:

Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;

Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;

Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục 5.2 nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản,

5. Các rủi ro khác

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần, khoản phát sinh chênh lệch giữa giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp chuyển sang Công ty cổ phần với giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (đối với Công ty là 0h00 ngày 01/01/2016) thì xử lý như sau:

5.1. Nếu do nguyên nhân khách quan:

Nếu do nguyên nhân khách quan (do thiên tai; dịch họa; do Nhà nước thay đổi chính sách hoặc do biến động của thị trường quốc tế và các nguyên nhân bất khả kháng khác) doanh nghiệp báo cáo cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét, quyết định việc sử dụng tiền thu từ bán cổ phần để bù đắp tổn thất sau khi trừ đi bồi thường của bảo hiểm (nếu có). Trường hợp tiền thu từ bán cổ phần không đủ bù đắp, cơ quan có thẩm quyền quyết định phương án cổ phần hóa xem xét thông qua Đại hội đồng cổ đông để điều chỉnh quy mô, cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

5.2. Nếu do nguyên nhân chủ quan:

Nếu lỗi do việc không xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính theo quy định hiện hành của Nhà nước khi xác định giá trị doanh nghiệp thì phải xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan có liên quan: doanh nghiệp, tổ chức tư vấn định giá và cơ quan quyết định cổ phần hóa để xử lý bồi thường vật chất;

Nếu lỗi do điều hành sản xuất, kinh doanh thì các cán bộ quản lý doanh nghiệp đó có trách nhiệm bồi thường toàn bộ tổn thất do chủ quan gây ra theo quy định hiện hành;

Trường hợp vì lý do bất khả kháng mà người có trách nhiệm bồi thường không có khả năng thực hiện việc bồi thường theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phần tổn thất còn lại được xử lý như trường hợp do nguyên nhân khách quan theo quy định tại mục 5.2 nói trên.

Ngoài ra còn có các rủi ro khác như thiên tai, bệnh dịch, chiến tranh, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động của Công ty.

XI. THAY LỜI KẾT

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ bán đấu giá cổ phần lần đầu ra ngoài công chúng của Công ty TNHH một thành viên 145 thuộc Tổng công ty Xây dựng Trường Sơn, được cung cấp cho các nhà đầu tư nhằm mục đích giúp các nhà đầu tư có thể tự đánh giá về tài sản,

hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và triển vọng của Công ty trong tương lai. Các thông tin này không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty TNHH một thành viên 145 cung cấp đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư. Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty.

Gia Lai, ngày 20 tháng 9 năm 2017

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145**

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



THIỆU TƯỚNG VÕ HỒNG THẮNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN 145**

CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC



THƯỢNG TÁ PHAN TIẾN DŨNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CN TPHCM CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH



NGUYỄN HỒNG ĐIỆP